

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 11 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						328 353	113 582	214 771			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>51 796</u>	<u>9 928</u>	<u>41 868</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						19 900	9 928	9 972			
1		DVVT QUẢNG NINH	01/08	1140/08	16/08	BN 2635	CỤC XỎ 1C	900	894	6	10/09	TD	
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	03/09	1223/08		VIỆT THUẬN 169	CÁM 5A.10	19 000	9 034	9 966	DỖ		CLM:9.034,38 - TTCO:9.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						31 896		31 896			
1		CP HẢI HẢI VN	09/09	1145/08		BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CÁM 1	900		900		TD	
3		KDT CẦU ĐUỐNG	14/08	1177/08		BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
4		KDT HÀ BẮC	19/08	1186/08		BN 0935	CÁM 6A.1	1 170		1 170		PTCB	
5		THAN SÔNG HỒNG	20/08	1187/08		BN 1799	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
6		KDT BẮC THÁI	22/08	1196/08		BN 1158	CÁM 1	850		850		TD	
7		KDT BẮC THÁI	26/08	1998/08		BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
8		KDT BẮC THÁI	30/08	1205/08		NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
9		KDT BẮC THÁI	30/08	1206/08		BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		KDT BẮC THÁI	30/08	1207/08		NB 8111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
11		KDT HÀ BẮC	31/08	1209/08		BN 2168	CÁM 6A.1	1 500		1 500		PTCB	
12		ĐT TM DV	01/09	1215/09		BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	
13		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1217/09		BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
14		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1218/09		BN 1348	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	
15		ĐT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
16		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
17		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1229/09	19/09	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
18		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
19		KDT BẮC THÁI	07/09	1235/09		BN 2508	CÁM 1	900		900		TD	
20		SÔNG HỒNG	08/09	1236/09		BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
21		CP TTC	09/09	1241/09		HN 2089	CỤC 4A.1	1 250		1 250		TD	
22		THAN MIỀN NAM	09/09	1242/09		VIỆT THUẬN 095-02	CÁM 5A.1	9 000		9 000			
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>118 850</u>	<u>43 777</u>	<u>75 073</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						81 650	43 777	37 873			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	01/09	1240/09		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 750	28 440	310	11/9		KDT CP: 13.000 - CLM: 5.000 - KVCP:10.750
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	08/09	1239/09		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 400	6 476	20 924	DỖ		KDTC:11.000 - CLM:13.000 - KVCP:3.400
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	03/09	1224/08		VIỆ THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	25 500	8 861	16 639	DỖ		KDTC:14.000 - TTHG:21.500

PHÒNG DKSX

NGÀY 11 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<i>37 200</i>		<i>37 200</i>			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	01/09	1213/09		VIỆT THUẬN 075-01	CẨM 6A.14	7 300		7 300			
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/09	1214/09		STAR CITY	CẨM 5A.10	21 300		21 300			
II		KHO G9-HÓA CHẤT						38 641	6 483	32 158			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>6 550</i>	<i>6 483</i>	<i>67</i>			
1		CP VT&KD THAN	08/9	316	22/9	BN - 1296	CẨM 8A	1 250	1 247	3	10/9	TD	
2		NINH BÌNH	08/9	296B	22/9	BN - 2228	CẨM 8A	1 000	995	5	10/9	TD	
3		CP VT THUỶ	09/9	369	16/9	BN - 2659	CẨM 7B	1 900	1 864	36	10/9	TD	
4		MIỀN BẮC	07/9	1164/8	21/9	BN - 1988	CẨM 8A	1 400	1 386	14	10/9	TD	
5		NINH BÌNH	10/9	398	17/9	BN - 1336	CẨM 8A	1 000	992	8	10/9	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>32 091</i>		<i>32 091</i>			
1		COALIMEX	01/9	1058/8	15/9	BN - 1758	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
2		SÔNG HỒNG	04/9	50/8	16/9	BN - 2566	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
3		CP VT THUỶ	04/9	92	18/9	BN - 1626	CẨM 8A	900		900		TD	
4		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CẨM 7B	945		945		TD	
5		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
6		XD CN MỎ	07/9	251/7	21/9	BN - 2128	CUC 1B	1 280		1 280		TD	
7		CP ĐTTM&DV	05/9	144	20/9	BN - 1883	CUC 1B	1 030		1 030		TD	
8		CP ĐTTM&DV	05/9	145	20/9	BN - 1296	CUC 1B	1 050		1 050		TD	
9		COALIMEX	05/9	164	20/9	BN - 1809	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
10		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	07/9	171	21/9	BN - 1468	CẨM 7C	1 149		1 149		TD	
11		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	06/9	208	20/9	BN - 2122	CẨM 8A	1 980		1 980		TD	
12		NINH BÌNH	07/9	252	21/9	HD 6899	CẨM 7B	2 754		2 754		PT CB	
13		CP HÀNG HẢI VN	07/9	254	21/9	BN - 2633	CẨM 8A	1 837		1 837		TD	
14		CP HÀNG HẢI VN	07/9		21/9	BN - 1799	CUC 1B	1 090		1 090		TD	
15		CP ĐTTM&DV	08/9	292	22/9	BN - 1959	CUC 1C	1 100		1 100		TD	
16		NGHỆ TĨNH	09/9	337	23/9	VIỆT TRUNG 69	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	
17		MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CẨM 7B	1 000		1 000		TD	
18		MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CUC 1A	930		930		TD	
19		MIỀN BẮC	09/9	1164B/8	16/9	BN - 1988	CẨM 8A	1 400		1 400		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 11 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
20		XD CN MỎ	09/9	373	16/9	BN - 2203	CẨM 8B	1 450		1 450		TD	
21		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	10/9	412	17/9	BN - 2005	CẨM 8A	1 542		1 542		TD	
22		HẢI PHÒNG	10/9	413	17/9	BN - 2699	CẨM 8A	1 963		1 963		TD	
23		CP VT&KD THAN	10/9	417	17/9	NB - 8881	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
24		CP HÀNG HẢI VN	10/9	1157/8	17/9	BN - 2556	CẨM 8A	1 691		1 691		TD	
III		KHO BẢO NGUYÊN						8 126	8 119	7			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						8 126	8 119	7			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI		109/9		VIỆT THUẬN TĐ 09	Cám 5b.14	4 240	4 237	3	08/09		
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI		112/9		QN 1176	Cám 5b.14	3 886	3 882	4	09/09		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		KHO CẢNG KM6						39 440	17 361	22 079			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						17 710	17 361	349			
1		XNK THAN VINACOMIN	09/9	345	23/9	QN 8265	Cám 5a.1	1 973	1 966	7	10/9	CBPT	
2		KDT MIỀN BẮC	09/9	339	23/9	BN 2332	Cám 5b.1	1 937	1 929	8	10/9	CBPT	
3		CBT QUẢNG NINH	09/9	340	23/9	HD 2095	Cám 6a.1	1 980	1 978	2	10/9	CBPT	
4		KDT HẢI PHÒNG	09/9	341	23/9	HD 3833	Cám 5a.1	2 300	2 297	3	10/9	CBPT	
5		KDT HẢI PHÒNG	09/9	342	23/9	BN 2638	Cám 6a.1	1 923	1 918	5	10/9	CBPT	
6		KDT MIỀN BẮC	09/9	343	23/9	BN 2662	Cám 5b.1	1 950	1 946	4	10/9	CBPT	
7		XNK THAN VINACOMIN	09/9	345	23/9	QN 8265	Cám 5a.1	1 973	1 966	7	10/9	CBPT	
8		XNK THAN VINACOMIN	09/9	360	23/9	QN 7956	Cám 5a.1	1 984	1 977	7	10/9	CBPT	
9		KDT MIỀN BẮC	08/9	315	22/9	HP 5982	Cám 6a.1	1 690	1 385	305	ĐỖ	CBPT	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						21 730		21 730			
1		KDT HẢI PHÒNG	09/9	361	23/9	HP 5925	Cám 5b.1	1 500		1 500		CBPT	
2		THAN MIỀN NAM	09/9	359	23/9	STAR 01	Cục 4a.2	1 400		1 400			
3							Cám 5a.1	1 750		1 750			
4		CBT QUẢNG NINH	10/9	377	24/9	VINACOMIN TĐ 056-03	Cám 5b.1	5 400		5 400		CBPT	
5		KDT MIỀN BẮC	10/9	392	24/9	TB 1619	Cám 5a.1	2 600		2 600		CBPT	
6		KDT HÀ BẮC	10/9	395	24/9	BN 1828	Cám 5b.1	2 250		2 250		CBPT	
7		KDT MIỀN BẮC	10/9	397	24/9	ND 4349	Cám 5b.1	2 350		2 350		CBPT	
8		KDT MIỀN BẮC	10/9	399	24/9	BN 1589	Cám 6a.1	1 600		1 600		CBPT	
9		VTT VINACOMIN	08/9	289	22/9	BN 1079	Đon 8a	1 030		1 030		CBPT	
10		KDT HẢI PHÒNG	10/9	100	24/9	HD 6818	Cám 6b.1	1 850		1 850		CBPT	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 09 NĂM 2025

[illegible]

